

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU
KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Hữu Bốn	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Ly Tai Fong	Ủy viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2013)
Ông Fong Nyuk Loon	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2013)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2013)
Ông Ngô Ngọc Thường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 557/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2013 Tổng Công ty và các đối tác trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" đã có thỏa thuận đồng ý xem xét lại hợp đồng hợp tác liên doanh và đề xuất thay đổi phương án phân chia lợi nhuận sang phương án kết hợp phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu, chi phí. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các đối tác vẫn đang tiến hành thủ tục ký kết lại phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh để điều chỉnh phương án chia kết quả hoạt động của dự án. Theo đó, Tổng Công ty đang có một khoản công nợ tiềm tàng là khoản chênh lệch giữa tiền thuê văn phòng phải trả cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, nhà điều hành và lợi nhuận được chia từ việc kinh doanh dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" này với số tiền là khoảng 11,4 tỷ đồng. Báo cáo tài chính hợp nhất theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh liên quan đến vấn đề này.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		634.420.980.453		493.607.341.683	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.005.372.620		62.578.002.649	
1. Tiền	111		27.779.037.509		46.817.002.649	
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.226.335.111		15.761.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		562.503.330		297.086.308	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		562.503.330		297.086.308	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		528.275.767.229		385.201.121.991	
1. Phải thu khách hàng	131		106.289.372.549		40.946.048.876	
2. Trả trước cho người bán	132		15.752.627.940		6.895.613.674	
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	387.670.817.636		319.842.300.687	
4. Các khoản phải thu khác	135	7	18.714.143.423		17.710.003.573	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(151.194.319)		(192.844.819)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	21.449.868.881		12.592.548.224	
1. Hàng tồn kho	141		21.449.868.881		12.592.548.224	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.127.468.393		32.938.582.511	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.881.561.208		525.555.610	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.032.729.085		8.869.167.659	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	95.996.444		4.095.216.372	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	33.117.181.656		19.448.642.870	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	200		186.299.447.291		193.358.993.545	
I. Tài sản cố định	220		16.825.126.124		23.630.676.125	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.245.587.017		12.066.419.126	
- Nguyên giá	222		35.390.359.088		41.474.214.160	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.144.772.071)		(29.407.795.034)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.579.539.107		11.042.048.291	
- Nguyên giá	228		16.168.424.806		15.568.776.866	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.588.885.699)		(4.526.728.575)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-		522.208.708	
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153.334.600.000		153.334.600.000	
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	153.334.600.000		153.334.600.000	
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.708.801.167		15.901.237.420	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.486.801.167		15.817.237.420	
2. Tài sản dài hạn khác	268		222.000.000		84.000.000	
IV. Lợi thế thương mại	270	14	430.920.000		492.480.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		820.720.427.744		686.966.335.228	

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 01-DN/HN**
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		509.185.143.153	375.155.328.172
I. Nợ ngắn hạn	310		494.585.149.295	357.566.584.314
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	177.884.677.948	43.738.528.612
2. Phải trả người bán	312		101.726.288.083	101.999.864.365
3. Người mua trả tiền trước	313		25.838.038.581	34.477.328.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16, 17	5.388.312.324	14.997.991.839
5. Phải trả người lao động	315		25.491.824.803	13.349.868.076
6. Chi phí phải trả	316	18	111.547.891.466	104.405.452.829
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	33.995.629.278	28.989.677.144
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	12.171.410.199	14.653.273.076
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		541.076.613	954.599.475
II. Nợ dài hạn	330		14.599.993.858	17.588.743.858
1. Phải trả dài hạn khác	333		349.993.858	338.743.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	14.250.000.000	17.250.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		296.210.851.317	296.391.154.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	296.210.851.317	296.391.154.281
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	11.421.558.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.600.295.812
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.595.878.719	6.595.878.719
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.782.076.932	7.870.572.798
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		88.312.880	88.312.880
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.722.728.559	18.814.535.657
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	15.324.433.274	15.419.852.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	440		820.720.427.744	686.966.335.228

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNNgoại tệ
- Đô la Mỹ ("USD")

31/12/2013

31/12/2012

197.893


194.634

Lê Quang Thắng
Người lập biểuHồ Khả Thịnh
Kế toán trưởngĐỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

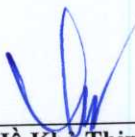
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Báo cáo tài chính hợp nhất
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 02-DN/HN**
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu gộp	01		557.064.180.601	466.507.583.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(1.056.000.000)
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		557.064.180.601	465.451.583.446
4. Giá vốn	11		463.433.264.070	409.765.916.448
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		93.630.916.531	55.685.666.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.198.610.521	16.159.811.452
7. Chi phí tài chính	22	26	11.901.801.583	5.724.078.618
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.838.980.471	5.653.382.535
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.138.205.866	64.957.265.279
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		18.789.519.603	1.164.134.553
10. Thu nhập khác	31		3.070.438.410	12.448.456.123
11. Chi phí khác	32		1.266.828.760	1.056.074.837
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	1.803.609.650	11.392.381.286
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		20.593.129.253	12.556.515.839
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	5.090.596.900	821.297.638
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	577.995.067
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		15.502.532.353	11.157.223.134
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông thiểu số		23	129.755.916	(2.570.449.343)
- Cổ đông của Tổng Công ty			15.372.776.437	13.727.672.477
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	615	619



Lê Quang Thắng
Người lập biểu



Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>20.593.129.253</i>		<i>12.556.515.839</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02		5.645.407.882		6.277.133.465
Các khoản dự phòng	03		(41.650.500)		-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.427.701.430)		(16.131.861.297)
Chi phí lãi vay	06		11.838.980.471		5.653.382.535
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>36.608.165.676</i>		<i>8.355.170.542</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(155.168.049.388)		(56.708.806.359)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(8.857.320.657)		2.774.664.912	
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.216.021.519		(65.943.683.806)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	(4.379.102.054)		3.955.459.424	
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.807.082.127)		(5.539.644.213)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.072.940.933)		(12.279.599.404)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	220.160.436		3.153.264.084	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(144.240.147.528)</i>		<i>(122.233.174.820)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.129.719.172)		(8.198.848.706)	
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	229.090.909		-	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(562.503.330)		(25.703.212.291)	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	297.086.308		-	
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	1.143.404.523		3.711.424.412	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(1.022.640.762)</i>		<i>(30.190.636.585)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	-		81.270.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	235.964.165.554		75.772.873.010	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(104.818.016.218)		(43.806.508.403)	
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(12.455.991.075)		(39.819.124.485)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>118.690.158.261</i>		<i>73.417.240.122</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>(26.572.630.029)</i>		<i>(79.006.571.283)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>		<i>62.578.002.649</i>		<i>141.584.573.932</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</i>	<i>70</i>		<i>36.005.372.620</i>		<i>62.578.002.649</i>


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 8.737.073.289 đồng (năm 2012: 8.480.754.364 đồng) là số tiền phải trả cổ tức chưa được thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm đã bao gồm khoản tiền chi cho tài sản mua trong năm trước và được thanh toán trong năm nay với số tiền là 704.954.000 đồng.


Lê Quang Thắng
 Người lập biểu


Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 ngày 11 tháng 8 năm 2009 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trước đây, Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam"). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí (gọi tắt là "PCIC") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 07 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 04 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC cho Tổng Công ty. Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PCIC tại 78B-80 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án dầu khí PVE (gọi tắt là "PVE - PMC") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 05 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. PVE - PMC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình Khí, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - PMC tại Lầu 6, tòa nhà PV GAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE (gọi tắt là "PVE - SC") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 05 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. PVE - SC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Khảo sát, Kiểm định và Dịch vụ Công trình, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - SC tại Lầu 6, tòa nhà PV GAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp ≤ 22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh bất động sản.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là mười (10) năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày kết thúc niên độ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giá trị phần mềm thiết kế, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài đối với lô đất có diện tích 92,4m² tại phường 9, Thành phố Vũng Tàu, được xác định dựa trên giá mua. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ năm (5) năm đến tám (8) năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một (1)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Tổng Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày kết thúc niên độ kế toán mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Tiền mặt	7.718.501.771	19.634.308.752
Tiền gửi ngân hàng	20.060.535.738	27.182.693.897
Các khoản tương đương tiền	8.226.335.111	15.761.000.000
	<u>36.005.372.620</u>	<u>62.578.002.649</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương theo hình thức hợp đồng ủy thác quản lý vốn. Bao gồm trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là số tiền 657.851.980 đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	43.114.759.140	84.267.552.223
DA Lô B Ô Môn mới - Phần phát sinh	38.671.095.713	-
Temporary Construction Facility - Office Buildings	27.511.103.093	-
Dự án Lô B Ô Môn mới	23.603.904.831	84.476.759.062
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	21.323.374.635	21.323.374.635
Dự án "Su từ nâu"	21.288.332.672	-
Hợp đồng 38/Technip-PVE/MPS/FEED-NCS2 cung cấp nhân lực	19.615.790.000	14.574.771.200
Dự án phát triển giếng và đường ống nội mô của Cửu Long JOC	19.466.561.065	-
Điện Gió Côn Đảo	19.107.213.637	-
Khảo sát địa vật lý tuyến Đại Hùng - Thiên Ưng	11.936.368.272	-
Thiết kế chi tiết Su từ vàng South West 6X	9.978.745.084	-
Re-FEED - Thiên Ưng- Bạch Hồ	9.581.785.926	-
Re-FEED - Thiên Ưng- Bạch Hồ	9.502.800.759	-
Dự án mỏ Hàm Rồng - Thái Bình, lô 102 & 106	7.653.076.963	1.627.510.725
Thiết kế, thi công nhà để xe PVGAS	7.346.106.717	-
Dự án phát triển mỏ Thái Bình	7.025.288.567	16.340.749.914
Thiết kế FEED/chi tiết dự án giàn BK4A	6.925.916.460	-
Thiết kế FEED dự án mỏ Rạng Đông Enhanced Oil Recovery	6.135.735.673	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.921.114.364	3.921.114.364
Dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa	4.097.389.666	-
Hợp đồng tồn đọng của VSP HD 0881/11/T-N3/VSP8	4.051.538.528	2.513.787.468
DA ASXH trường THCS Thị trấn Mương Lát - Thanh Hóa	3.769.459.000	-
Phát Triển Mỏ Diamond	3.621.863.409	-
Su từ vàng South West (SV - 6X)	3.288.782.970	-
Dự án Nhà máy sản xuất bình bồn dầu khí	3.128.206.812	3.128.206.812
Nâng cấp kho chứa LPG Đình Vũ - Hải Phòng	1.958.479.135	-
DA ASXH trạm y tế xã Quảng Tân - Quảng Xương - Thanh Hóa	1.845.833.480	-
DA Sửa chữa giàn MSP 10 HD 1080A/2012	1.798.534.719	-
Dự án Xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	1.701.909.711
Thiết BVTCT Kho chứa LPG Đình Vũ (bồn LPG)	1.463.625.066	-
Trường Xuân Trạch, Bồ Trạch Quảng Bình	1.100.000.000	-
Hợp đồng tư vấn bổ sung hạng mục CT VDK	1.049.560.000	764.454.545
Cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Su từ Vàng"	-	40.019.492.203
Trường THCS Đông Sơn - Thái Bình	-	2.392.609.091
Trường THPT Nguyễn T. Bích Châu - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	-	3.611.663.636
Trường tiểu học Mương Típ 2 Nghệ An	-	2.117.518.182
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	-	1.763.528.419
Dự án thiết kế FEED cho nhà máy xử lý khí Cà Mau	-	1.490.360.407
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	833.616.955
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch 1	-	727.946.315
Trường mầm non xã Vũ Bản - Hà Nam	-	3.432.881.819
Trường TH Hòa Bình - Vũ Thư -Thái Bình	-	3.123.505.000
Các dự án khác	41.086.561.569	25.688.988.001
	<u>387.670.817.636</u>	<u>319.842.300.687</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (PV Gas)	10.274.384.022	10.274.384.022
Citi plaza	2.659.600.882	3.059.600.882
Khác	5.780.158.519	4.376.018.669
	<u>18.714.143.423</u>	<u>17.710.003.573</u>

Khoản phải thu từ PV Gas thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 và năm 2012 được chia từ khoản đầu tư vào dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” mà PV Gas là nhà điều hành. Như trình bày tại Thuyết minh số 12, các bên đầu tư góp vốn chưa thống nhất lại phương pháp phân chia lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi được chia từ dự án này trong năm 2013.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	8.320.000	21.623.080
Công cụ, dụng cụ	69.169.728	137.043.260
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.372.379.153	12.433.881.884
	<u>21.449.868.881</u>	<u>12.592.548.224</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	33.067.461.656	19.040.762.434
Thế chấp, ký cược, ký quỹ	49.720.000	407.880.436
	<u>33.117.181.656</u>	<u>19.448.642.870</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tạm ứng nhân viên thể hiện các khoản tạm ứng lương cho nhân viên và tạm ứng các khoản chi phí để thực hiện các dự án của Tổng Công ty mà chưa hoàn thành và chưa được hoàn ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	5.134.479.997	16.912.302.302	9.929.360.714	9.498.071.147	41.474.214.160
Tăng trong năm	-	316.110.000	24.480.000	160.081.440	500.671.440
Chuyển từ XD/CB	-	-	746.012.440	-	746.012.440
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(581.416.000)	(581.416.000)
Phân loại lại (*)	-	(1.429.950.051)	(5.319.172.901)	-	(6.749.122.952)
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.134.479.997</u>	<u>15.798.462.251</u>	<u>5.380.680.253</u>	<u>9.076.736.587</u>	<u>35.390.359.088</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	3.640.402.962	14.257.408.205	4.624.283.669	6.885.700.198	29.407.795.034
Khấu hao trong năm	340.231.440	893.911.319	1.428.716.734	883.902.184	3.546.761.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(581.416.000)	(581.416.000)
Phân loại lại (*)	-	(1.285.217.045)	(2.943.151.595)	-	(4.228.368.640)
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.980.634.402</u>	<u>13.866.102.479</u>	<u>3.109.848.808</u>	<u>7.188.186.382</u>	<u>28.144.772.071</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.153.845.595</u>	<u>1.932.359.772</u>	<u>2.270.831.445</u>	<u>1.888.550.205</u>	<u>7.245.587.017</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.494.077.035</u>	<u>2.654.894.097</u>	<u>5.305.077.045</u>	<u>2.612.370.949</u>	<u>12.066.419.126</u>

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với nguyên giá là 13.710.771.118 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 12.548.164.840 đồng).

(*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	4.183.395.276	11.385.381.590	15.568.776.866
Tăng trong năm	-	700.290.000	700.290.000
Phân loại lại (*)	-	(100.642.060)	(100.642.060)
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.183.395.276</u>	<u>11.985.029.530</u>	<u>16.168.424.806</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	4.526.728.575	4.526.728.575
Khấu hao trong năm	-	2.098.646.205	2.098.646.205
Phân loại lại (*)	-	(36.489.081)	(36.489.081)
Tại ngày 31/12/2013	-	<u>6.588.885.699</u>	<u>6.588.885.699</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.183.395.276</u>	<u>5.396.143.831</u>	<u>9.579.539.107</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.183.395.276</u>	<u>6.858.653.015</u>	<u>11.042.048.291</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với nguyên giá là 1.801.071.460 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.459.946.460 đồng).

(*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Tổng Công ty với các bên gồm PV Gas và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là “Phú Long”), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Tổng Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, tiến độ góp vốn Tổng Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết	Số vốn thực góp	
	góp theo hợp đồng	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>153.334.600.000</u>

Tổng Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Vietcombank Hồ Chí Minh”) (xem Thuyết minh số số 15 và Thuyết minh số 21).

Tại ngày 11 tháng 6 năm 2013, đại diện của các bên đầu tư đã họp bàn về “Phương án kinh doanh cao ốc văn phòng Dragon Tower”. Theo đó, các bên đã thảo luận việc chuyển đổi từ phương pháp phân chia lợi nhuận hiện hữu sang phương pháp kết hợp cả hình thức phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu – chi phí. Đến ngày lập báo cáo này, các bên đầu tư vẫn chưa hoàn tất thủ tục ký kết lại phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư để thống nhất việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận của khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Với việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận này thì Tổng Công ty có thể phát sinh một khoản công nợ tiềm tàng là khoản chênh lệch giữa tiền thuê văn phòng phải trả cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, nhà điều hành và lợi nhuận được chia từ việc kinh doanh dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” này với số tiền là khoảng 11,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện, theo đó, dự phòng không cần thiết phải trích lập.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	15.817.237.420	18.929.121.709
Tăng trong năm	1.317.031.349	3.678.549.374
Kết chuyển từ tài sản cố định	2.584.907.291	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(4.140.897.622)	(6.790.433.663)
Giảm khác	(91.477.271)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>15.486.801.167</u>	<u>15.817.237.420</u>

Tại ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, các tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 10 tháng 6 năm 2013 dưới 30 triệu đồng sẽ được theo dõi như khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong thời gian không quá ba (3) năm.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Theo giấy đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp	
	VND	%	VND	%
PCIC	30.000.000.000	36	10.800.000.000	44,39
PVE - PMC	30.000.000.000	60	18.000.000.000	91,46
PVE - SC	<u>20.000.000.000</u>	<u>60</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>86,75</u>

Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC với giá mua là 11.415.600.000 đồng. Nghiệp vụ này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 615.600.000 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	492.480.000	554.040.000
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(61.560.000)</u>	<u>(61.560.000)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>430.920.000</u>	<u>492.480.000</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	174.884.677.948	40.738.528.612
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
	<u>177.884.677.948</u>	<u>43.738.528.612</u>

Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ gồm vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “VCB Hồ Chí Minh”) với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0098/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty mẹ với bên thứ ba. Ngày 17 tháng 6 năm 2013, VCB Hồ Chí Minh và Công ty đã ký Hợp đồng sửa đổi số 01/HĐSDBS, sửa đổi hạn mức cho vay mới là 250 tỷ đồng. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2014. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng.

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Tổng Công ty với các bên PV Gas và Phú Long, để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower”, và để thế chấp cho các khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Vay ngắn hạn của các công ty con từ VCB Hồ Chí Minh bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn của công ty con - PVE SC theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0100/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 7582/PVE-TCKT ngày 08 tháng 4 năm 2013 với trị giá là 20 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVE SC đã rút vốn với số tiền lần lượt là 8.170.029.153 đồng và 2.293.435.209 đồng).
- Khoản vay ngắn hạn của công ty con - PVE PMC theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0099/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

là 50 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2014. Thời hạn vay theo từng Giấy nhận nợ cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được thỏa thuận và xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay được bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 589/PVD-BL ngày 08 tháng 4 năm 2013 với trị giá là 50 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVE PMC đã rút vốn với số tiền lần lượt là 20.925.072.726 đồng và 4.003.017.782 đồng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.013.993.703	1.394.781.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	757.206.616	622.214.989
Tiền thuế đất	-	1.236.689.300
Thuế thu nhập cá nhân	616.132.805	11.743.327.080
Thuế khác	979.200	979.200
	<u>5.388.312.324</u>	<u>14.997.991.839</u>

17. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1 - Thuế GTGT phải nộp	1.394.781.270	35.451.754.212	32.832.541.779	4.013.993.703
a - Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.394.781.270	25.822.375.423	23.203.162.990	4.013.993.703
b - Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.499.490.124	3.499.490.124	-
c - Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu	-	6.129.888.665	6.129.888.665	-
2 - Thuế xuất nhập khẩu	-	326.352.063	326.352.063	-
3 - Thuế TNDN	(3.473.001.383)	11.207.152.488	7.072.940.933	661.210.172
a - Thuế TNDN SXKD	(3.473.001.383)	5.090.596.900	956.385.345	661.210.172
b - Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu	-	6.116.555.588	6.116.555.588	-
4 - Tiền thuế đất	1.236.689.300	(167.650.450)	1.069.038.850	-
5 - Thuế thu nhập cá nhân	11.743.327.080	12.586.789.096	23.713.983.371	616.132.805
6 - Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
7 - Thuế khác	979.200	-	-	979.200
Tổng cộng	<u>10.902.775.467</u>	<u>59.417.397.409</u>	<u>65.027.856.996</u>	<u>5.292.315.880</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>				
<i>(xem Thuyết minh số 16)</i>	14.997.991.839			5.388.312.324
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	(4.095.216.372)			(95.996.444)

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm khoản thuế phải thu với số tiền 95.996.444 đồng được trình bày trên khoản "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" trên Bảng cân đối kế toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.095.216.372 đồng) và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước với số tiền 757.206.616 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 622.214.989 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	40.624.228.988	32.143.080.297
Trích chi phí thầu phụ DA Nghi Sơn	23.368.065.421	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	12.240.623.852	15.243.216.781
Sứ tử vàng South West (SV - 6X)	7.146.136.050	-
Dự án phát triển giếng STV -5X	5.617.007.605	20.009.746.102
Dự án mỏ Thái Bình	4.236.873.416	13.147.341.752
Lắp đặt phòng ở bổ sung trên mái BM7 giàn RP2 Mỏ Rồng	3.890.469.801	-
Khảo sát địa vật lý tuyến Đại Hùng - Thiên Ưng	3.332.098.420	-
Dự án Nhà để xe PVGas	1.585.909.090	-
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	-	3.386.672.744
Các dự án khác và chi phí khác	9.506.478.823	20.475.395.153
	<u>111.547.891.466</u>	<u>104.405.452.829</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả cổ đông	8.737.073.289	8.480.754.364
Khoản phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	4.874.216.650
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Khác	17.871.339.339	13.121.706.130
	<u>33.995.629.278</u>	<u>28.989.677.144</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỷ lệ từ 1% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	14.653.273.076	10.833.602.457
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	376.654.439	13.608.540.596
Hoàn nhập dự phòng	(2.249.070.274)	(9.788.869.977)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(609.447.042)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>12.171.410.199</u>	<u>14.653.273.076</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 20 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn với VCB Hồ Chí Minh với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower”. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Dư nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 17.250.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.250.000.000 đồng).

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty với các bên PV Gas và Phú Long, để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower", và để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	3.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	9.000.000.000
Sau năm năm	<u>2.250.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>
	17.250.000.000	20.250.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>(3.000.000.000)</u>	<u>(3.000.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>14.250.000.000</u>	<u>17.250.000.000</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối năm	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	72.500.000.000
Technip Geoproduction SDH BHD	25.000.000.000	25.000.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	21.496.690.000	12.785.940.000
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	14.826.675.000
Vietnam Holding Limited	-	19.259.400.000
Các cổ đông khác	116.176.635.000	105.627.985.000
	<u>250.000.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	4.224.799	5.902.424.923	4.892.901.528	-	28.958.483.081	221.680.218.558
Tăng vốn trong năm	70.020.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	11.157.223.134	81.270.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	767.895.322	3.109.194.196	96.555.415	(8.675.190.510)	11.157.223.134
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(4.701.545.577)
Công bố cổ tức	(20.000.000)	-	-	-	(74.441.526)	(131.522.926)	(8.242.535)	3.574.019.952	(16.200.000.000)
Loại trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	3.339.812.965
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	-	(4.224.799)
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	-	(150.330.000)
Tại ngày 31/12/2012	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	6.595.878.719	7.870.572.798	88.312.880	18.814.535.657	296.391.154.281
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	15.502.532.353	15.502.532.353
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	1.000.000.000	919.014.173	-	(4.984.958.991)	(3.065.944.818)
Công bố cổ tức	-	-	-	-	-	(7.510.039)	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Loại trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(109.380.460)	(116.890.499)
Tại ngày 31/12/2013	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	7.595.878.719	8.782.076.932	88.312.880	16.722.728.559	296.210.851.317

Theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty mẹ đã công bố chia tổng số cổ tức là 12,5 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 của Công ty mẹ với tỉ lệ là 5%/mệnh giá mỗi cổ phần. Trong năm, Công ty mẹ đã chi cổ tức với số tiền là 12.455.991.075 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông là 8.737.073.289 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.480.754.364 đồng).

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty con PVE - SC đã công bố chia tổng số cổ tức là 968.310.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 7%/mệnh giá mỗi cổ phần. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông thiểu số.

Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty con PVE - PMC đã công bố chia tổng số cổ tức là 984.000.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 5%/mệnh giá mỗi cổ phần. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông thiểu số.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, và Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 với số tiền lần lượt là 1.000.000.000 đồng, 865.050.542 đồng, 2.685.960.300 đồng và 250.000.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty con PVE - SC đã thực hiện trích các Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2013 với số tiền lần lượt là 53.963.631 đồng và 56.998.984 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty con PVE - PMC đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 72.985.534 đồng.

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	<u>PCIC</u> <u>VND</u>	<u>PVE-PMC</u> <u>VND</u>	<u>PVE-SC</u> <u>VND</u>
Vốn điều lệ của Công ty con	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000
Trong đó:			
Vốn phân bổ cho Công ty	10.800.000.000	18.000.000.000	12.000.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	56%	8,54%	13,25%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	<u>PCIC</u> <u>VND</u>	<u>PVE-PMC</u> <u>VND</u>	<u>PVE-SC</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tổng tài sản	47.346.324.155	68.008.401.633	39.629.624.849	154.984.350.637
Tổng nợ phải trả	26.918.207.972	46.295.339.175	25.194.517.894	98.408.065.041
Tài sản thuần	20.428.116.183	21.713.062.458	14.435.106.955	56.576.285.596
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000	57.843.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	579.332.487	188.562.835	959.574.322
Quỹ dự phòng tài chính	315.133.886	386.221.658	148.245.049	849.600.593
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	96.555.415	-	96.555.415
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	(4.503.213.017)	970.952.898	265.299.071	(3.266.961.048)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11.558.094.441	1.853.554.112	1.912.784.721	15.324.433.274
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000	17.043.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	49.455.212	24.986.314	266.120.526
Quỹ dự phòng tài chính	246.151.988	32.970.142	19.643.835	298.765.965
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.242.535	-	8.242.535
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	(2.504.252.861)	82.886.223	35.154.572	(2.386.212.066)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Báo cáo tài chính hợp nhất
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	PCIC VND	PVE-PMC VND	PVE-SC VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	21.066.437	970.952.898	265.299.071	1.257.318.406
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	11.715.121	82.886.223	35.154.571	129.755.915

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Tổng tài sản	59.525.408.022	55.826.115.332	29.544.974.080	144.896.497.434
Tổng nợ phải trả	39.118.358.276	34.027.020.238	14.349.857.212	87.495.235.726
Tài sản thuần	20.407.049.746	21.799.095.094	15.195.116.868	57.401.261.708
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000	57.843.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	579.332.487	188.562.835	959.574.322
Quỹ dự phòng tài chính	315.133.886	386.221.658	94.281.418	795.636.962
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	96.555.415	-	96.555.415
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	(4.524.279.454)	1.056.985.534	1.079.272.615	(2.388.021.305)

Lợi ích của cổ đông thiểu số: 11.546.157.370 1.860.202.364 2.013.493.041 15.419.852.775

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000	17.043.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	49.455.212	24.986.314	266.120.526
Quỹ dự phòng tài chính	246.151.988	32.610.781	12.493.157	291.255.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.242.535	-	8.242.535
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	(2.516.189.932)	89.893.836	143.013.570	(2.283.282.526)

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	(5.041.069.451)	1.056.985.534	1.079.272.615	(2.904.811.302)
(Lỗ)/Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	(2.803.356.748)	89.893.836	143.013.570	(2.570.449.343)

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng, tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.408.655.261	67.029.477.645
Chi phí nhân công	181.444.117.834	206.053.441.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.645.407.882	6.277.133.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.464.503.914	173.465.382.436
Chi phí khác	121.919.365.714	127.516.468.885
	567.882.050.605	580.341.903.445

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền vay	11.838.980.471	5.653.382.535
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.245.345	52.079.182
Khác	2.575.767	18.616.901
	<u>11.901.801.583</u>	<u>5.724.078.618</u>

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	2.234.591.092	9.788.869.977
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên ba (3) năm	-	586.443.019
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	229.090.909	121.036.364
Được thưởng, bồi thường	438.118.726	-
Khác	168.637.683	1.952.106.763
Thu nhập khác	<u>3.070.438.410</u>	<u>12.448.456.123</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	20.006.063
Khác	1.266.828.760	1.036.068.774
Chi phí khác	<u>1.266.828.760</u>	<u>1.056.074.837</u>
Lợi nhuận khác	<u>1.803.609.650</u>	<u>11.392.381.286</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	20.593.129.253	12.556.515.839
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(17.272.752.725)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.576.371.146	1.703.956.565
Các khoản giao dịch nội bộ giữa các công ty	(1.362.314.240)	6.297.470.868
Lỗi kết chuyển	(2.184.382.464)	-
Thu nhập chịu thuế	<u>20.622.803.695</u>	<u>3.285.190.547</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.155.700.924	821.297.638
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(65.104.024)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.090.596.900</u>	<u>821.297.638</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ và công ty con PCIC đã sử dụng các khoản lỗ tính thuế lần lượt là 1.454.217.206 đồng và 730.165.258 đồng của năm 2012 để khấu trừ vào lợi nhuận trong năm khi tính thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản lỗ tính thuế của Công ty con - PCIC là 4.113.088.404 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.372.776.438	13.727.672.477
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.372.776.438	13.727.672.477
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	25.000.000	22.161.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>615</u>	<u>619</u>

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	192.134.677.948	60.988.528.612
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(36.005.372.620)</u>	<u>(62.578.002.649)</u>
Nợ thuần	156.129.305.328	-
Vốn chủ sở hữu	296.210.851.317	296.391.154.281
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>53%</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.005.372.620	62.578.002.649
Đầu tư ngắn hạn	562.503.330	297.086.308
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, phải thu khác	508.702.378.001	377.670.428.556
Các khoản ký quỹ, ký cược	271.720.000	491.880.436
Đầu tư dài hạn khác	153.334.600.000	153.334.600.000
	698.876.573.951	594.371.997.949
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	138.780.647.371	139.114.192.416
Chi phí phải trả	111.547.891.466	104.405.452.829
Các khoản vay và nợ	192.134.677.948	60.988.528.612
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	349.993.858	338.743.858
	442.813.210.643	304.846.917.715

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đầu tư), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và đầu tư.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện các giao dịch bằng Đồng Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thay đổi tỷ giá của ngoại tệ là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 3.842.693.559 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.219.770.572 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro về đầu tư

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.005.372.620	-	-	36.005.372.620
Đầu tư ngắn hạn	562.503.330	-	-	562.503.330
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và phải thu khác	508.702.378.001	-	-	508.702.378.001
Các khoản ký quỹ, ký cược	49.720.000	222.000.000	-	271.720.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	545.319.973.951	222.000.000	153.334.600.000	698.876.573.951
Phải trả người bán và phải trả khác	138.780.647.371	-	-	138.780.647.371
Chi phí phải trả	111.547.891.466	-	-	111.547.891.466
Các khoản vay và nợ	177.884.677.948	12.000.000.000	2.250.000.000	192.134.677.948
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	349.993.858	-	349.993.858
Tổng cộng	428.213.216.785	12.349.993.858	2.250.000.000	442.813.210.643
Chênh lệch thanh khoản thuần	117.106.757.166	(12.127.993.858)	151.084.600.000	256.063.363.308

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè Báo cáo tài chính hợp nhất
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31/12/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	62.578.002.649	-	-	62.578.002.649
Đầu tư ngắn hạn	297.086.308	-	-	297.086.308
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và phải thu khác	377.670.428.556	-	-	377.670.428.556
Các khoản ký quỹ, ký cược	407.880.436	84.000.000	-	491.880.436
Đầu tư dài hạn khác	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	440.953.397.949	84.000.000	153.334.600.000	594.371.997.949
Phải trả người bán và phải trả khác	139.114.192.416	-	-	139.114.192.416
Chi phí phải trả	104.405.452.829	-	-	104.405.452.829
Các khoản vay và nợ	43.738.528.612	12.000.000.000	5.250.000.000	60.988.528.612
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	338.743.858	-	338.743.858
Tổng cộng	287.258.173.857	12.338.743.858	5.250.000.000	304.846.917.715
Chênh lệch thanh khoản thuần	153.695.224.092	(12.254.743.858)	148.084.600.000	289.525.080.234

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	220.145.136.638	191.401.230.021
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.070.076.324	(430.826.363)
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	30.622.699.559	23.739.091.200
Giá vốn		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	29.663.837.912	64.414.772.940
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	314.531.893	231.886.485
Phí thương hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	29.575.558	-


Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:


	2013 VND	2012 VND
Lương	4.780.659.424	5.740.115.087
Tiền thưởng	681.235.167	794.331.240
	5.461.894.591	6.534.446.327


TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	46.897.702.392	21.007.491.196
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>1.216.553.276</u>	<u>106.242.400</u>
Phải thu khác		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	10.274.384.022	10.274.384.022
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>294.150.772</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	56.517.895.024	47.353.054.562
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>2.037.536.988</u>	<u>2.037.536.988</u>
Người mua trả tiền trước		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	<u>15.386.503.211</u>	<u>40.670.969.087</u>
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>16.149.561.939</u>	<u>4.874.216.650</u>
Các khoản tương đương tiền - Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Cổ phần tài chính Dầu khí Việt Nam	<u>562.503.330</u>	<u>2.397.086.308</u>
Ứng trước nhà cung cấp		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	<u>144.230.903</u>	<u>-</u>


 Lê Quang Thắng
 Người lập biểu


 Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014
